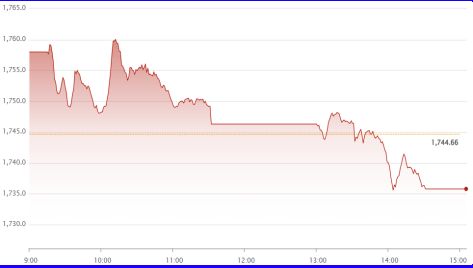




Dữ liệu thị trường ngày 31/07/2026

Tổng quan	VN-Index	HNX-Index
Chỉ số	1.735,78	271,25
Thay đổi (điểm)	-8,88	-3,8
Thay đổi (%)	-0,51	-1,38
KLGD (triệu cp)	762	75
GTGD (tỷ đồng)	19.022	1.119
NDT nước ngoài giao dịch ròng		
HOSE	-311	(tỷ đồng)
HNX	-36	(tỷ đồng)
UPCOM	-15	(tỷ đồng)

VN-Index



Top cổ phiếu ảnh hưởng VNINDEX

Ảnh hưởng tích cực:

VCB, BID, CTG, FRT,...

Ảnh hưởng tiêu cực:

VIC, MSN, ACB, HDB,...

VNINDEX CHỨNG LẠI ĐÀ PHỤC HỒI TẠI NGƯỠNG SMA 200 NGÀY

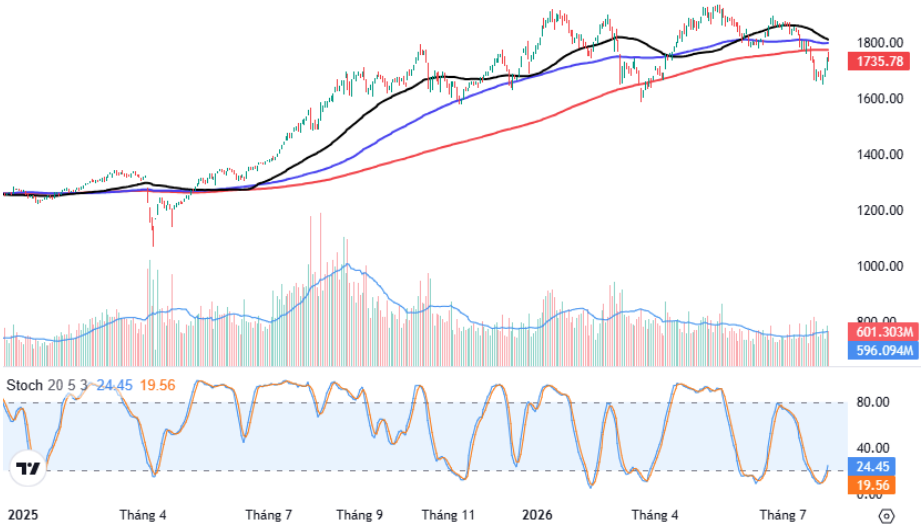
Chuyển động thị trường và dự báo:

Trong phiên giao dịch ngày 31/07, chỉ số VN-Index vận động giằng co quanh mốc tham chiếu với áp lực bán xuất hiện ở hầu hết các nhóm ngành. Độ rộng thị trường nghiêng về sắc đỏ khi số lượng mã giảm đạt 429 mã, trong khi số lượng mã tăng chỉ đạt 333 mã. Theo đó, bất động sản dẫn đầu nhóm có ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường với hiệu suất ngành giảm 1,63%, tiêu biểu là các mã cổ phiếu như VIC (-2,68%), BCM (-1,65%), DXG (-2,83%). Bên cạnh đó, áp lực bán còn lan sang các mã cổ phiếu thuộc nhóm năng lượng như BSR (-1,36%), PVD (-3,97%), PLX (-1,62%), khiến hiệu suất ngành giảm 1,58%. Trái ngược lại, nhóm dịch vụ viễn thông có diễn biến tích cực nhất (+0,38%) khi các trụ đỡ như VNZ (+4,04%), CTR (+1,27%) duy trì trạng thái phục hồi. Theo sau là nhóm tài chính, dù áp lực bán hiện hữu ở hầu hết các mã cổ phiếu nhưng những cái tên trong nhóm Big 4 là VCB (+4,96%), BID (+2,01%) và CTG (+1,15%) giữ vững phong độ và kéo hiệu suất ngành tăng 0,33%. Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, chỉ số VN-Index giảm 8,88 điểm (-0,51%) và đóng cửa ở mức 1.735,78 điểm.

Thanh khoản toàn thị trường đạt 19.022 tỷ đồng, giảm 6,13% so với phiên giao dịch trước đó, cho thấy tâm lý phân vân của thị trường. Khối ngoại đảo chiều bán ròng trong phiên giao dịch hôm nay với tổng giá trị bán ròng đạt 363 tỷ đồng, tập trung bán ra ở các mã cổ phiếu như VHM (249 tỷ đồng), TCB (72 tỷ đồng) và VPB (68 tỷ đồng). Ở chiều ngược lại, các mã cổ phiếu được mua ròng mạnh nhất là VCB (270 tỷ đồng), FPT (119 tỷ đồng), VIC (81 tỷ đồng).

Hiện tại, chỉ số VN-Index đang trong quá trình test lại ngưỡng SMA 200 ngày, đóng vai trò là kháng cự ngắn hạn. Do đó, VN-Index có thể chứng lại và diễn ra trạng thái kiểm tra cung cầu đi kèm với các phiên tăng giảm đan xen xuất hiện quanh vùng 1.800 điểm.

CỔ PHIẾU QUAN TÂM: CTG, SAB, MSR, GMD, BMP, NT2, BSR, CTD.



Danh sách khuyến nghị tháng 07.2026

Mã cổ phiếu	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ
MWG	88.000	75.000
CTG	38.000	33.000
PHR	70.500	60.500
SSI	29.800	26.000
VPB	30.500	26.500
GMD	85.000	74.300
MBB	28.500	25.200
PVD	36.300	31.000

Danh sách công bố ngày 08/07/2026, VikkibankS.vn



VikkiBankS
(028) 7100 0001
vikkibanks.vn
cskh@vikkibanks.vn

Hotline
1900 2273

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO PHÂN TÍCH KỸ THUẬT THÁNG 06.2026:

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Vùng mua	Mục tiêu	Cắt lỗ	Giá bán	Ngày bán	Tỷ suất sinh lời	Trạng thái
NT2	22/07/2026	~21.500	~22.500-24.000	<20.500			-2,33%	Nắm giữ
GMD	03/07/2026	~74.000	~82.000-87.000	<68.000			+4,05%	Nắm giữ
NLG	17/6/2026	~27.600	~32.000-35.000	<24.500	23.700	20/07/2026	-14,13%	Cắt lỗ
DXG	16/6/2026	~13.150	~15.000-16.000	<11.000	11.350	20/07/2026	-13,69%	Cắt lỗ
GEX	12/6/2026	~30.500	~36.000-45.000	<27.000	26.000	13/07/2026	-14,75%	Nắm giữ
SAB(*)	11/6/2026	~45.750	~49.000-54.000	<42.000			-4,81%	Nắm giữ
VCK	9/6/2026	~33.500	~35.000-38.000	<31.5000	31.250	17/07/2026	-6,72%	Cắt lỗ
VJC(**)	5/6/2026	~133,850	~142.310-169.230	<111.540			-6,61%	Nắm giữ
MWG	4/6/2026	~75.000-78.500	~85.000-95.000	<74.000	70.600	22/07/2026	-9,72%	Nắm giữ

Lưu ý: Trạng thái và Giá bán (nếu có) sẽ được cập nhật hàng ngày tại Bản tin thị trường hàng ngày.

(*): Các giá đã được điều chỉnh theo thông tin SAB chia cổ tức bằng tiền đợt 2/2025, 3000 đồng/Cổ phiếu.

(**): Các giá đã được điều chỉnh theo thông tin VJC chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:30.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 07.2026 (*):

Mã	Thông tin	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa tại ngày khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Tỷ suất sinh lời kỳ vọng
MWG	- KQKD 5T.2026: Doanh thu thuần tăng 29,3% YoY, nhờ ĐMX (TGDD+DMX) tăng trưởng 33% YoY bởi doanh thu/cửa hàng tăng 33%, chiếm 68,8% doanh thu tổng; BHX tăng 22,5% YoY. Mảng BHX đã mở 532 cửa hàng trong 5 tháng đầu năm. Tháng 6, ĐMX đạt tăng trưởng 31% sau 6T, riêng doanh thu tháng 6 tăng 21,6% YoY, chuỗi Erablue mở thêm 8 cửa hàng, đạt mức 146 cửa hàng. Tăng trưởng có phần chậm lại nhẹ trong tháng 6, do nền các tháng trước cao, nhưng vẫn tích cực.	08/07/2026	78.800	88.000	75.000	11,7%
CTG	- Tăng trưởng tín dụng 2,5% trong 4 tháng, so với mức tăng trưởng 1,8% của Q1. Ước tính tăng trưởng tín dụng đạt 6% trong 6 tháng đầu năm. Đến hết tháng 6, sơ bộ, tổng tài sản CTG tăng 7,2% so với đầu năm, đạt 3 triệu tỷ.	08/07/2026	34.500	38.000	33.000	10,1%
PHR	- Động lực chính đến từ bồi thường và chuyển đổi đất cao su, gồm khoảng 1.400 tỷ đồng từ dự án Bắc Tân Uyên 1 (trong đó khoảng 500 tỷ có thể ghi nhận năm 2025) và thỏa thuận với VSIP tại VSIP III trị giá 3.260 tỷ đồng, với 1.157 tỷ đã nhận và phần còn lại 2.103 tỷ dự kiến thu giai đoạn 2026-2027. Giá xuất khẩu cao su T6 bình quân ngành tăng 69% YoY.	08/07/2026	63.800	70.500	60.500	10,5%
SSI	- Khối ngoại bán ròng 80 nghìn tỷ trong 6T2026, điều này dẫn đến vai trò dòng tiền khối nội nâng đỡ, và thúc đẩy margin chung của toàn ngành. SSI đã hoàn tất tăng vốn vào tháng 12.2025, vốn điều lệ tăng từ 20,8 lên mức 24,9 nghìn tỷ và thời gian tới tăng vốn lên 30 nghìn tỷ, có thêm dư địa cấp margin. Lợi nhuận Q2 tích cực dù thanh khoản thị trường thấp.	08/07/2026	27.200	29.800	26.000	9,6%
VPB	- Ban lãnh đạo cho rằng lợi nhuận trước thuế 8 nghìn tỷ trong Q2, chúng tôi cho rằng kết quả thực tế cao hơn. VPB giữ mục tiêu tăng trưởng tín dụng 35%. Ước tính đạt 50% kế hoạch tín dụng, tương đương tăng trưởng 17% sau 6 tháng, cao nhất ngành. Cty đang thúc đẩy các kế hoạch phát hành, với việc phát hành riêng lẻ dự kiến Q4.2026 hoặc đầu năm 2027.	08/07/2026	27.750	30.500	26.500	9,9%
GMD	- Quý 2.2026, kim ngạch xuất khẩu cả nước tăng 22,7% YoY; nhập khẩu tăng 39,1% YoY. Sản lượng hàng hóa thông qua các cảng biển VN trong 5T.2026 tăng 15% YoY. Cảng Nam Đình Vũ (GMD) sản lượng quý 2 cải thiện so với quý 1, trong khi Gemalink dẫn đầu đầu khu vực Cái Mép. Dự kiến Q2 có khả năng ghi nhận 450 tỷ từ chuyển nhượng Mekong Logistics.	08/07/2026	77.400	85.000	74.300	9,8%
MBB	- Kế hoạch tăng trưởng tín dụng của MBB 30-35%, ước tính quý 2 tăng trưởng tín dụng 14%, lợi nhuận trước thuế tăng 26,6% YoY, ban lãnh đạo cho rằng hết tháng 5 tín dụng đã tăng 10% YTD. NIM đã tạo đáy trong quý 1 và hồi phục ở Q2.	08/07/2026	26.000	28.500	25.200	9,6%
PVD	- Lợi nhuận quý 2 có sự đóng góp của giãn khoan PVD VIII và PVD IX vừa đưa vào khai thác từ tháng 4, ước tính lợi nhuận hợp nhất Q2 330 tỷ, tăng 10% so với quý trước và 32% YoY. Các giãn khoan đều được lấp đầy công việc đến hết Q3.	08/07/2026	32.550	36.300	31.000	11,5%

***Danh mục tháng 07.2026 so với tháng 06.2026, chúng tôi loại DGW, trong khi thêm mới PHR, PVD và giữ nguyên MWG, CTG, MBB, VPB, SSI, GMD.** Chúng tôi loại DGW để giảm tỷ trọng mảng phân phối hàng công nghệ khi đã có MWG, việc cơ cấu này nhằm đa dạng hóa cho danh mục và tận dụng mùa báo cáo kết quả quý 2. Kết quả sơ bộ của DGW vẫn tích cực, doanh thu tháng 6 tăng 52% so với cùng kỳ (YoY) và quý 2 tăng 33% YoY, mức tăng trưởng cao nhờ các mảng laptop, thiết bị văn phòng lần lượt tăng 52% và 51% YoY. Với MWG, đây tiếp tục là cổ phiếu hàng đầu được giữ trong danh mục kể từ tháng 6.2025, tăng trưởng của MWG đến từ đồng đều ở các trụ cột ĐMX, BHX, Erablue, trong khi An Khang giảm lỗ, chúng tôi cho rằng MWG giảm 16% kể từ đỉnh 94 đến từ ảnh hưởng chung của thị trường, khối ngoại đã bán ròng ở hầu hết rổ VN30 nhưng vẫn kín room ngoại đối với MWG cho thấy niềm tin từ nội lực cơ bản của MWG. Với nhóm ngân hàng, tiếp tục là CTG, MBB và VPB. Với CTG là ngân hàng có định giá hấp dẫn nhất trong nhóm quốc doanh và khả năng vượt VCB để dẫn đầu lợi nhuận ngành ngân hàng, nhờ tối hoạt động và kiểm soát chặt rủi ro. Trong khi MBB cho thấy là ngân hàng toàn diện, khi các mảng từ bất động sản, năng lượng, cho đến hạ tầng, gần đây là tham gia sâu hơn vào chuyển đổi số và thanh toán không tiền mặt ở các địa phương, cũng như thúc đẩy cho vay FDI. Với VPB, năng lực vốn mạnh mẽ và sự hỗ trợ chặt chẽ từ cổ đông lớn SMBC khi đã tham gia thu xếp cho VPB khoản vay hợp vốn 1,44 tỷ USD vừa qua, để ngỏ khả năng tham gia thương vụ phát hành riêng lẻ của VPB; lãi suất cao ảnh hưởng đến chất lượng tài sản của VPB do khẩu vị cho vay rủi ro cao, nhưng khi nền kinh tế vững vàng hơn, thì VPB cũng có sức bật tốt hơn. Thêm PHR và PVD khi chúng tôi cho rằng cả 2 cổ phiếu này đều đã giảm mạnh thời gian qua, và lợi nhuận quý 2 tăng mạnh, giá cao su vẫn duy trì nền cao dù giá dầu giảm về trước khi có căng thẳng tại Trung Đông, do nguồn cung cao su thế giới bị ảnh hưởng bởi thời tiết, trong khi PVD với ngành thượng nguồn nhóm dầu khí đang hưởng lợi nhiều hơn từ thúc đẩy hạ tầng năng lượng của đất nước và sửa đổi Luật Dầu khí. Chúng tôi cũng giữ SSI và GMD khi kỳ vọng những doanh nghiệp này có kết quả kinh doanh tốt trong Q2 và cả Q3. Về thị trường chung, kể từ tháng 7 nhiều chính sách có hiệu lực, bao gồm bỏ hạn mức tính vào room tín dụng cho các dự án trọng điểm, điều chỉnh hệ số LDR, tăng tiền gửi kho bạc ở các ngân hàng thương mại, loại trừ các khoản cho vay đối với nhà ở xã hội và khu công nghiệp, sẽ giúp thúc đẩy tăng trưởng GDP liên quan đến các trụ cột xây dựng, hạ tầng nhiều hơn. Ngoài ra, thương mại dù vẫn thâm hụt nhưng mức độ đã giảm dần cho thấy tín hiệu tốc độ xuất khẩu cải thiện, và kỳ vọng sẽ thặng dư thương mại ở các tháng cuối năm. Trụ cột FDI với vốn giải ngân và đăng ký tăng mạnh, dần đóng vai trò quan trọng khi giúp cân bằng cán cân thanh toán do thâm hụt thương mại 6 tháng đầu năm. Lạm phát hạ nhiệt khi giá dầu ở nền thấp hơn. Tổng kết lại, dù rằng lãi suất hiện nay vẫn còn ở mức cao nhưng đã có những tín hiệu cho thấy thị trường đi qua “điểm uốn”, từ khó khăn chuyển sang bớt khó khăn hơn. Chiến lược đầu tư là tiếp tục duy trì tỷ trọng trung bình, có thể trading ngắn với một tỷ trọng nhỏ, chờ đợi thị trường rõ ràng hơn từ các trụ cột bút phá. **Nơi cuối con đường hầm, ánh sáng le lói dần xuất hiện!**

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG

Ngày 30/7/2026, Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định 1743/QĐ-NHNN, quy định tỷ lệ khấu trừ 50% số dư tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước khi tính tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tiền gửi (LDR), theo Thông tư 22/2019 (được sửa đổi bởi Thông tư 25/2026). Quy định có hiệu lực từ 1/8/2026 đến 31/7/2028. NHNN yêu cầu các ngân hàng quản lý chặt chẽ chênh lệch kỳ hạn giữa nguồn vốn và sử dụng vốn, bảo đảm thanh khoản, khả năng chi trả kể cả khi Kho bạc Nhà nước rút tiền trước hạn, đồng thời duy trì các tỷ lệ an toàn theo quy định. Chính sách được ban hành nhằm hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng kinh tế trên 10% trong năm 2026.

ACV: ghi nhận doanh thu thuần quý II/2026 đạt 6.324 tỷ đồng, gần như đi ngang so với cùng kỳ (YoY). Biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 61,8% lên 64,2% nhờ giá vốn giảm. Chi phí tài chính chuyển từ 739 tỷ đồng sang âm 42 tỷ đồng do không còn lỗ tỷ giá lớn và hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính. Nhờ đó, lợi nhuận sau thuế đạt 3.358 tỷ đồng, tăng 29% YoY và là mức cao nhất lịch sử. Lũy kế 6 tháng, doanh thu đạt 13.164 tỷ đồng (+4% YoY), lợi nhuận trước thuế 8.300 tỷ đồng và lãi ròng 6.696 tỷ đồng (đều +17% YoY), vượt kế hoạch lợi nhuận cả năm. Đến cuối quý II, chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng 15% QoQ lên 41.989 tỷ đồng, chủ yếu tại dự án Long Thành giai đoạn 1 (39.470 tỷ đồng).

CTD: doanh thu quý IV năm tài chính 2026 đạt 10.471 tỷ đồng, tăng 25,4% YoY. Lũy kế cả năm, doanh thu đạt 34.340 tỷ đồng (+38% YoY), vượt 14,5% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 788 tỷ đồng, tăng 72,7% YoY, vượt 12,6% kế hoạch; biên lợi nhuận ròng cải thiện từ 1,83% lên 2,29%. Kết quả đến từ chiến lược tập trung nâng cao hiệu quả vận hành và chất lượng tăng trưởng.

VNM: ghi nhận doanh thu quý II/2026 đạt 18.856 tỷ đồng, tăng 12,5% YoY; lợi nhuận sau thuế đạt 3.184 tỷ đồng, tăng gần 28% YoY và là mức cao nhất lịch sử. Lũy kế 6 tháng, doanh thu đạt 35.034 tỷ đồng (+17,7% YoY), lợi nhuận trước thuế 6.914 tỷ đồng (+37% YoY), lãi sau thuế 5.643 tỷ đồng (+38,4% YoY), hoàn thành 52,7% kế hoạch doanh thu và 57,4% kế hoạch lợi nhuận năm. Kết quả được hỗ trợ bởi thị trường nội địa phục hồi, xuất khẩu tăng mạnh và biên lợi nhuận cải thiện.

HVN lỗ sau thuế công ty mẹ gần 1.015 tỷ đồng trong quý II/2026, giảm 3.793 tỷ đồng YoY (quý II/2025 lãi 2.778 tỷ đồng); lỗ sau thuế hợp nhất hơn 606 tỷ đồng, giảm 3.529 tỷ đồng YoY. Doanh thu công ty mẹ tăng 20,3% YoY, nhờ doanh thu quốc tế tăng 36,9%, nhưng tổng chi phí tăng 41,7% YoY do giá nhiên liệu tăng 125%, làm chi phí nhiên liệu tăng gần 6.000 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng, công ty mẹ vẫn lãi 2.877 tỷ đồng, hợp nhất lãi 3.852 tỷ đồng, nhờ kết quả tích cực của quý I.

PNJ: PNJ ghi nhận doanh thu quý II/2026 đạt 8.484 tỷ đồng, tăng 11,9% YoY, nhưng lỗ sau thuế 283 tỷ đồng, giảm 720 tỷ đồng YoY (cùng kỳ lãi 437 tỷ đồng). Biên lợi nhuận gộp giảm từ 21,5% xuống 18,4%, trong khi chi phí quản lý tăng mạnh do trích lập dự phòng tổn thất 865 tỷ đồng liên quan biến cố kim cương. Lũy kế 6 tháng, doanh thu đạt 25.729 tỷ đồng (+49,4% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 1.184 tỷ đồng (+6,3% YoY). Sau biến cố, PNJ đã mua lại 7.062 tỷ đồng hàng hóa trong tháng 7 để tái bổ sung tồn kho.

POW: ghi nhận doanh thu quý II/2026 đạt 20.308 tỷ đồng, tăng 116% YoY; lợi nhuận sau thuế đạt 3.708 tỷ đồng, tăng 387% YoY, đều ở mức kỷ lục. Biên lợi nhuận gộp cải thiện lên 23% nhờ doanh thu tăng nhanh hơn giá vốn. Lũy kế 6 tháng, doanh thu đạt 32.635 tỷ đồng (+86% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 5.008 tỷ đồng (+306% YoY), vượt 10% kế hoạch lợi nhuận năm. Đến cuối quý II, tổng tài sản tăng hơn 11% QoQ lên 106.355 tỷ đồng, trong khi phải thu khách hàng tăng hơn 43% QoQ, chủ yếu từ EPTC/EVN.

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 01+02+03.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 01.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/01/2026	89.800	09/02/2026	89.300	-0,56%	83.800–94.400	-4,23%
CTG	07/01/2026	37.450	09/02/2026	37.100	-0,93%	36.800–43.500	-4,41%
KBC	07/01/2026	35.800	09/02/2026	34.500	-3,63%	33.300–38.200	-4,19%
GMD	07/01/2026	62.700	09/02/2026	71.300	13,72%	61.900–75.000	-4,78%
VPB	07/01/2026	29.250	09/02/2026	26.750	-8,55%	26.650–31.450	-4,96%
DBC	07/01/2026	26.850	09/02/2026	26.750	-0,37%	25.750–29.650	-3,91%
MBB	07/01/2026	26.700	09/02/2026	27.600	3,37%	26.000–28.300	-4,12%
VNINDEX	07/01/2026	1.861,58	09/02/2026	1.754,82	-5,73%	1.749,87–1.918,46	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 – 09/02					0.43%		-4,37%

Danh sách khuyến nghị tháng 02.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	09/02/2026	89.300	09/03/2026	77.000	-13,77%	77.000–94.300	-5,38%
CTG	09/02/2026	37.100	09/03/2026	33.200	-10,51%	33.200–39.100	-4,85%
KBC	09/02/2026	34.500	09/03/2026	29.900	-13,33%	29.900–36.350	-5,80%
HCM	09/02/2026	22.900	09/03/2026	21.750	-5,02%	21.750–25.750	-5,24%
VPB	09/02/2026	26.750	09/03/2026	24.800	-7,29%	24.800–29.500	-4,67%
DBC	09/02/2026	26.750	09/03/2026	22.900	-14,39%	22.900–27.550	-4,67%
MBB	09/02/2026	27.600	09/03/2026	24.850	-9,96%	24.850–29.500	-5,07%
VNINDEX	09/02/2026	1.754,82	09/03/2026	1.652,79	-5,81%	1.650,49–1.899,44	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 – 09/02					-10,61%		-5,10%

Danh sách khuyến nghị tháng 03.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	09/03/2026	77.000	07/04/2026	78.000	1,30%	74.200–83.900	-7,79%
CTG	09/03/2026	33.200	07/04/2026	33.700	1,51%	32.000–35.750	-7,53%
STB	09/03/2026	60.800	07/04/2026	61.700	1,48%	58.100–69.200	-7,89%
HCM	09/03/2026	21.750	07/04/2026	24.250	11,49%	19.100–24.600	-7,59%
VPB	09/03/2026	24.800	07/04/2026	26.050	5,04%	23.900–27.350	-8,06%
VCB	09/03/2026	57.300	07/04/2026	58.000	1,22%	56.500–62.000	-7,33%
MBB	09/03/2026	24.850	07/04/2026	25.600	3,02%	24.850–27.100	-7,44%
VNINDEX	09/03/2026	1.652,79	07/04/2026	1.677,54	1,50%	1.586–1.743	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 09/03 – 07/04					3,58%		-7,66%

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 04+05+06.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 04.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/04/2026	78.000	07/05/2026	86.000	10,26%	79.800–88.500	-5,13%
CTG	07/04/2026	33.700	07/05/2026	35.800	6,23%	34.300–36.800	-5,04%
GMD	07/04/2026	71.900	07/05/2026	79.500	10,57%	71.000–80.600	-6,12%
MSN	07/04/2026	75.100	07/05/2026	81.000	7,86%	76.100–82.500	-6,13%
VPB	07/04/2026	26.050	07/05/2026	28.150	8,06%	26.500–28.500	-6,72%
KDH	07/04/2026	25.000	07/05/2026	24.200	-3,20%	24.000–26.950	-6,00%
MBB	07/04/2026	25.600	07/05/2026	26.100	1,95%	25.750–27.100	-4,30%
VNINDEX	07/04/2026	1.677,54	07/05/2026	1.909,01	13,80%	1.706,59–1.924,95	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/04 – 07/05					5,96%		-5,63%

Danh sách khuyến nghị tháng 05.2026 (*VPB và DGW chia cổ tức tiền mặt lần lượt 500đ/cp và 1.000đ/cp, tỷ suất sinh lời đã bao gồm cổ tức sau thuế)

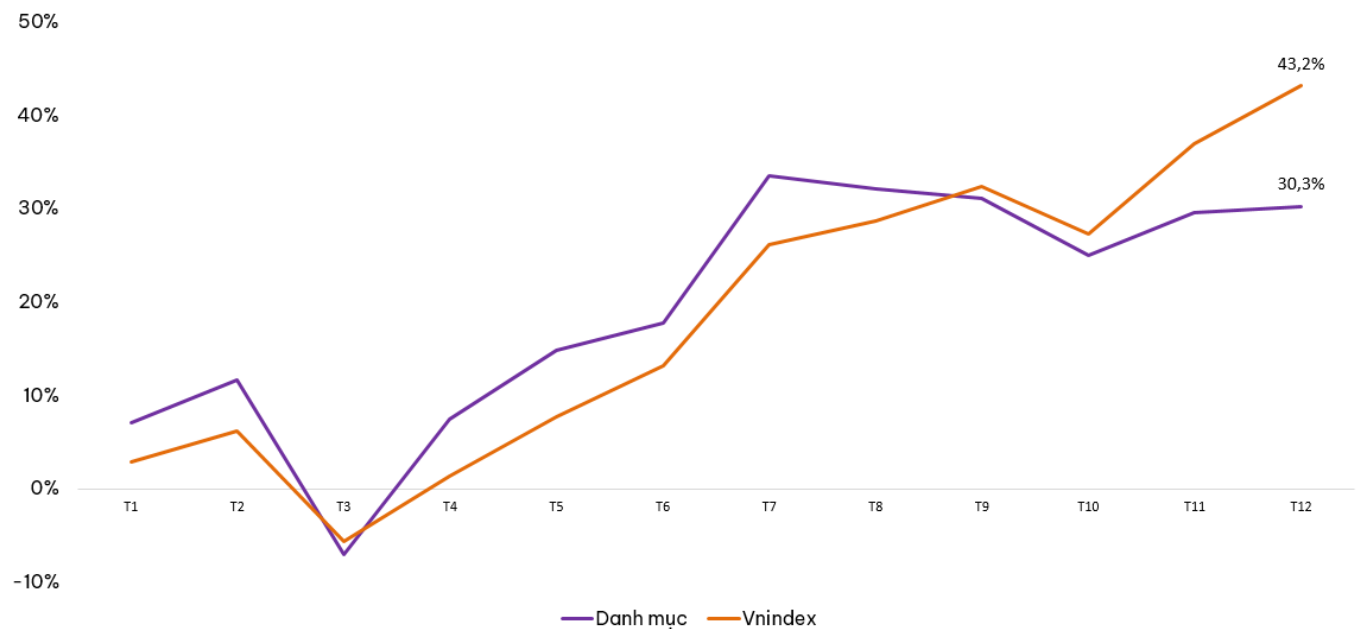
Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/05/2026	86.000	05/06/2026	78.000	-9,30%	74.200-85.900	-5,13%
CTG	07/05/2026	35.800	05/06/2026	33.900	-5,31%	33.700-36.800	-5,04%
DGW*	07/05/2026	44.200	05/06/2026	39.900	-7,58%	39.100-43.000	-6,12%
VGC	07/05/2026	43.850	05/06/2026	41.500	-5,36%	41.500-45.600	-6,13%
VPB*	07/05/2026	28.150	05/06/2026	26.450	-4,35%	25.650-28.250	-6,72%
KDH	07/05/2026	24.200	05/06/2026	22.900	-5,37%	21.600-24.400	-6,00%
MBB	07/05/2026	26.100	05/06/2026	25.000	-4,21%	24.500-26.550	-4,30%
VNINDEX	07/05/2026	1.909	05/06/2026	1.838,9	-3,67%	1.798-1.933	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/05 – 05/06					-5,93%		-5,27%

Danh sách khuyến nghị tháng 06.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	05/06/2026	78.000	08/07/2026	78.800	1,03%	75.000-81.400	-5,77%
CTG	05/06/2026	33.900	08/07/2026	34.500	1,77%	33.250-34.750	-4,13%
DGW	05/06/2026	39.900	08/07/2026	39.450	-1,13%	37.450-42.000	-6,02%
SSI	05/06/2026	27.000	08/07/2026	27.200	0,74%	26.150-28.000	-5,56%
VPB	05/06/2026	26.450	08/07/2026	27.750	4,91%	25.600-28.100	-4,73%
GMD	05/06/2026	76.200	08/07/2026	77.400	1,57%	72.400-80.000	-5,51%
MBB	05/06/2026	25.000	08/07/2026	26.000	4,00%	24.550-26.150	-4,00%
VNINDEX	05/06/2026	1.838,9	08/07/2026	1.853,7	0,80%	1.798-1.933	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 05/06 – 08/07					1,84%		-5,27%

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC (2025)

Hiệu suất Danh mục & Vnindex



(2025)	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
Danh mục	7,1%	4,6%	-18,7%	14,6%	7,3%	2,9%	15,9%	-1,4%	-1,0%	-6,1%	4,5%	0,7%
Vnindex	2,9%	3,4%	-11,9%	7,0%	6,4%	5,4%	13,0%	2,5%	3,7%	-5,1%	9,7%	6,1%

Danh mục khuyến nghị 2025, bắt đầu từ ngày 13/01/2025 và kết thúc chốt sổ tháng 12.2025 vào ngày 07/01/2026. Hiệu suất danh mục trong bảng được tính theo tháng. Tham khảo danh mục 12 tháng 2025:

[Danh sách khuyến nghị tháng 1 \(13/01\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 2 \(07/02\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 3 \(07/03\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 4 \(09/04\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 5 \(07/05\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 6 \(06/06\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 7 \(07/07\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 8 \(08/08\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 9 \(08/09\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 10 \(07/10\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 11 \(07/11\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 12 \(08/12\)](#)

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBankS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

• Trụ sở chính:

Địa chỉ: 62 – 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

• Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: 60–70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

• Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 – 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBankS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBankS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBankS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBankS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBankS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.